

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương

Ngày 31/12/2025	11,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.4%	-5.2%	4.9%

DT thuần Q4/25	1,162
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 478 69.9%
	YoY: ▲ 398 52.2%

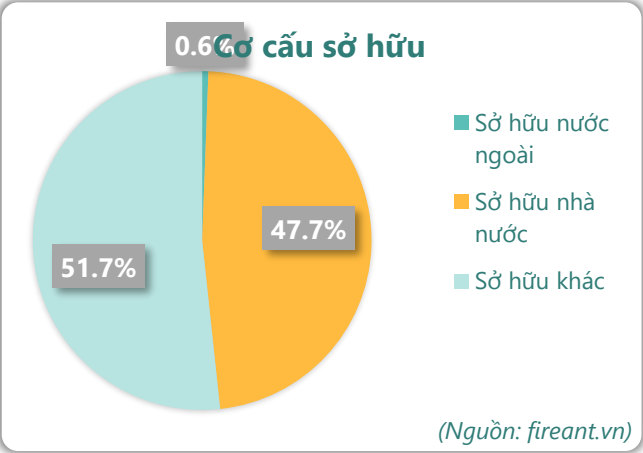
LN thuần Q4/25	191
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 102 116%
	YoY: ▼144 -42.9%

LN sau thuế Q4/25	123
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 33.3 36.9%
	YoY: ▼194 -61.3%

Tỷ suất lãi EBIT 2025	19.2%
	YoY: +/-▼ 31.6%

ROE 2025	18.8%
	YoY: +/-▼ 22.7%

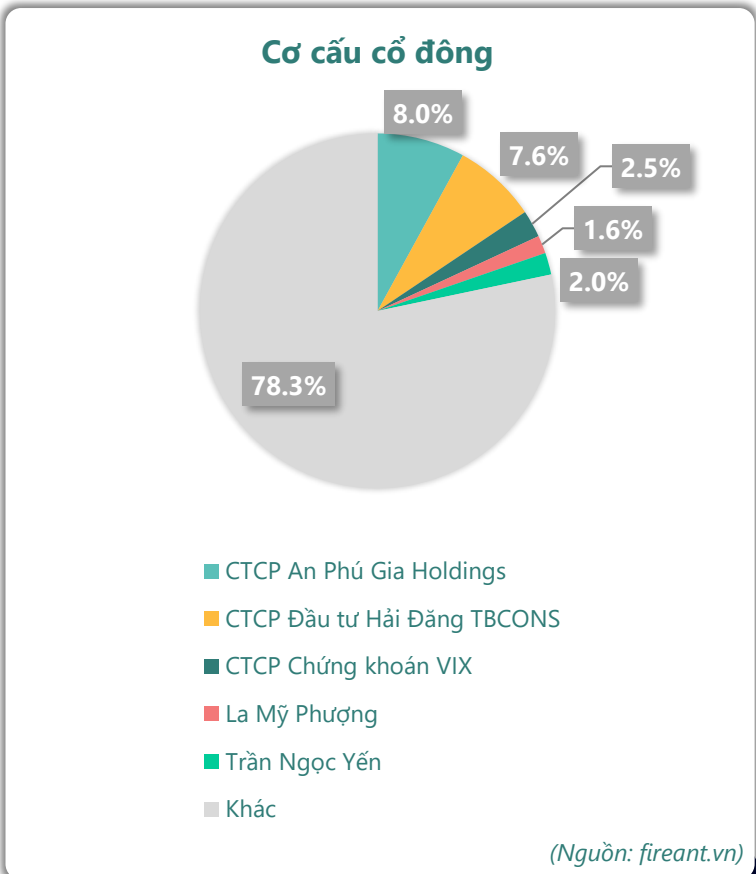
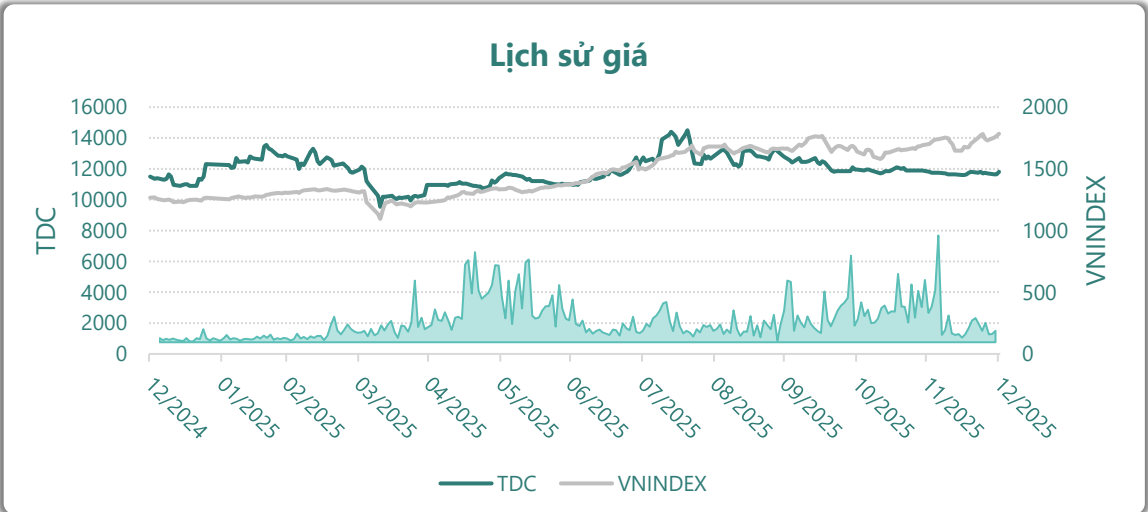
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,540 - 14,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,501
Số lượng CPLH (CP)	127,228,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	138,050
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.67
EPS	2,167
P/E	5.4



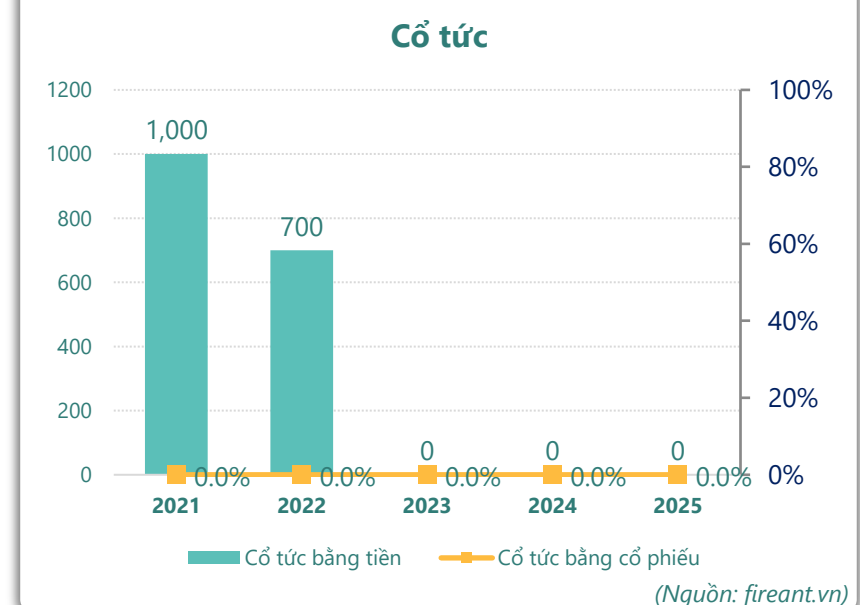
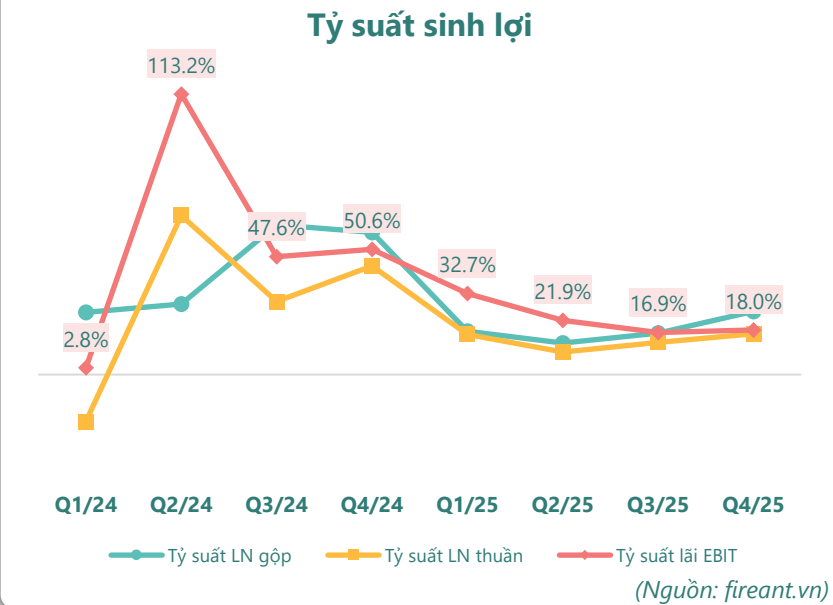
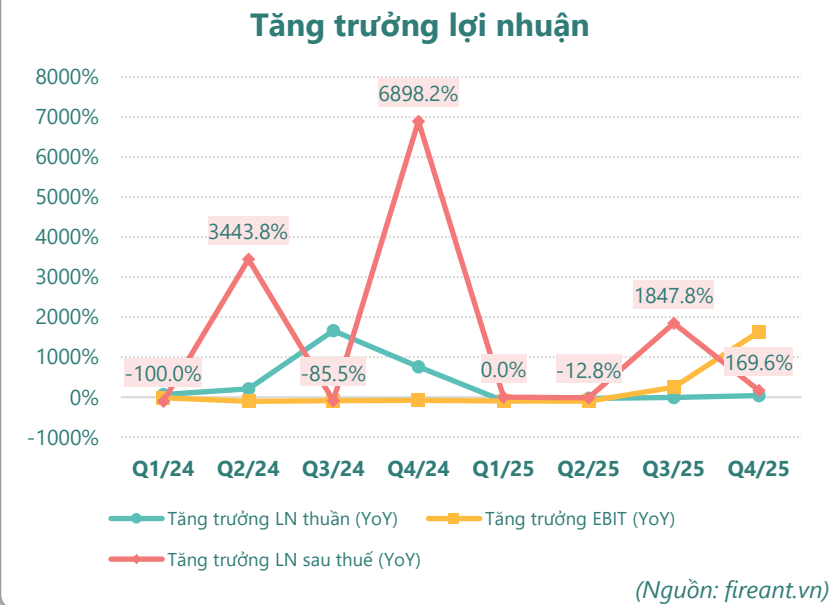
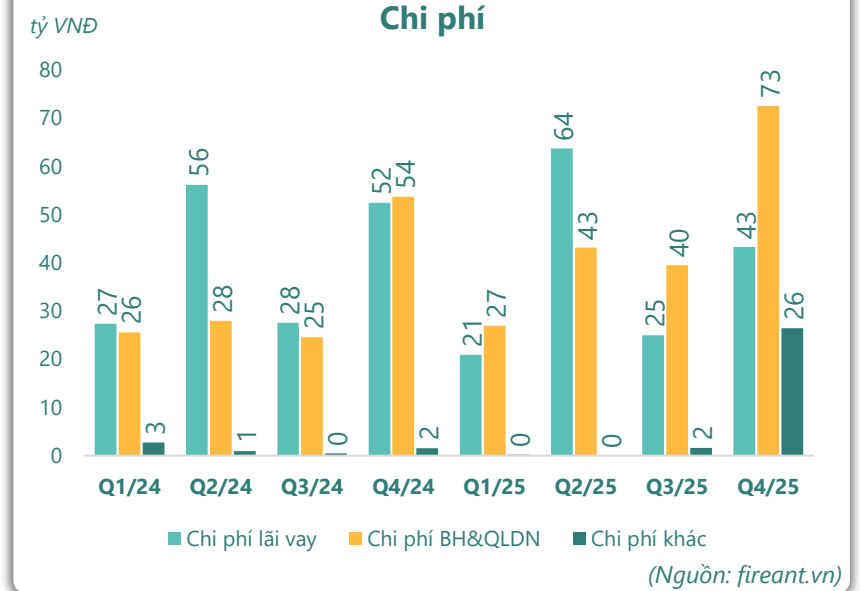
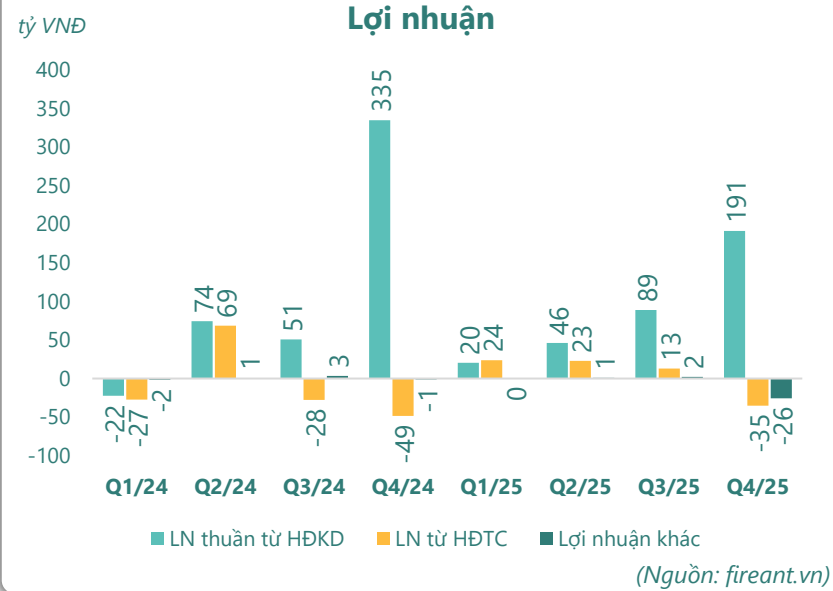
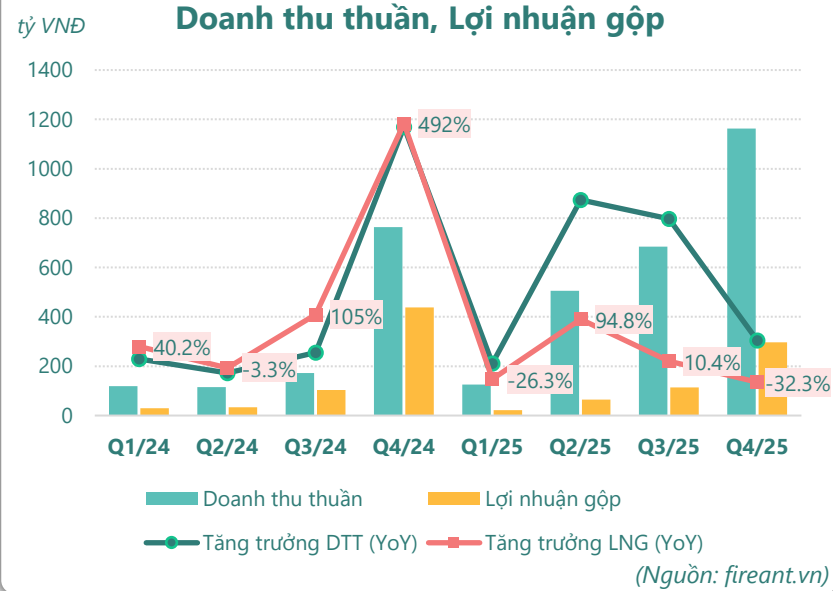
DT thuần 2025	2,478
tỷ VNĐ	YoY: ▲ 1,307 112%

LN thuần 2025	347
tỷ VNĐ	YoY: ▼83.0 -19.4%

LN sau thuế 2025	279
tỷ VNĐ	YoY: ▼138 -33.2%



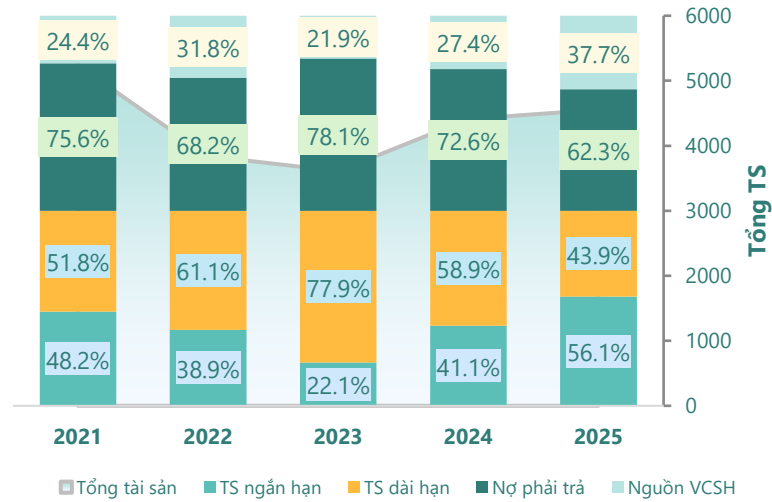
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

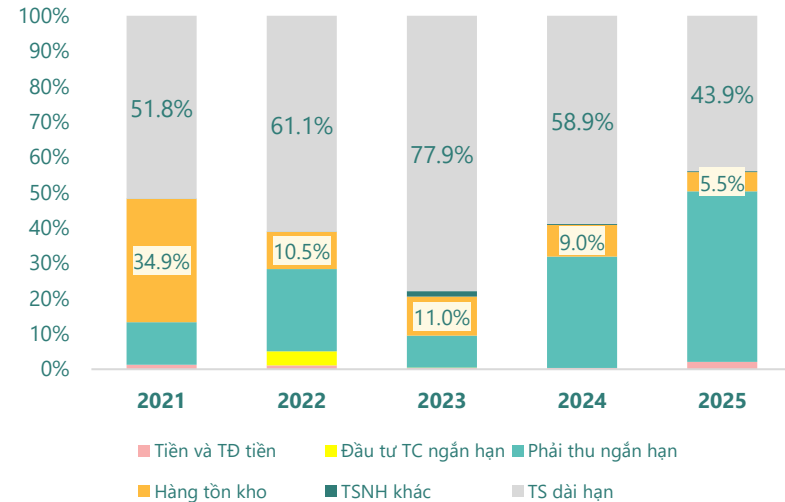
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

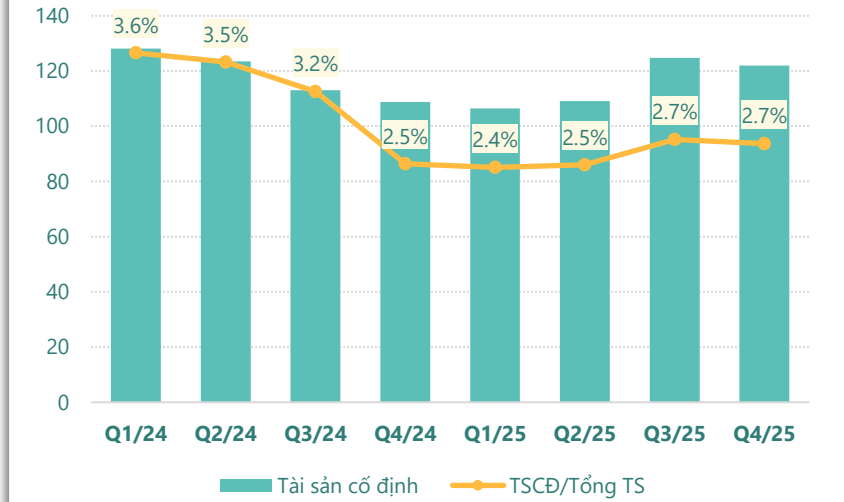
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

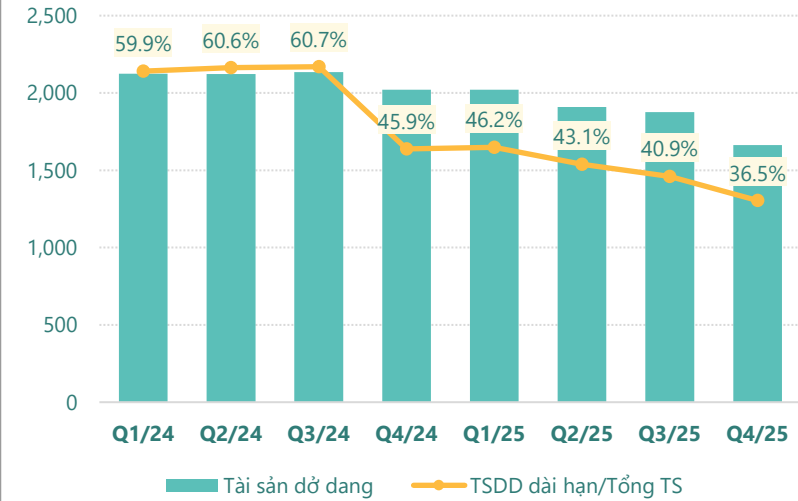
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

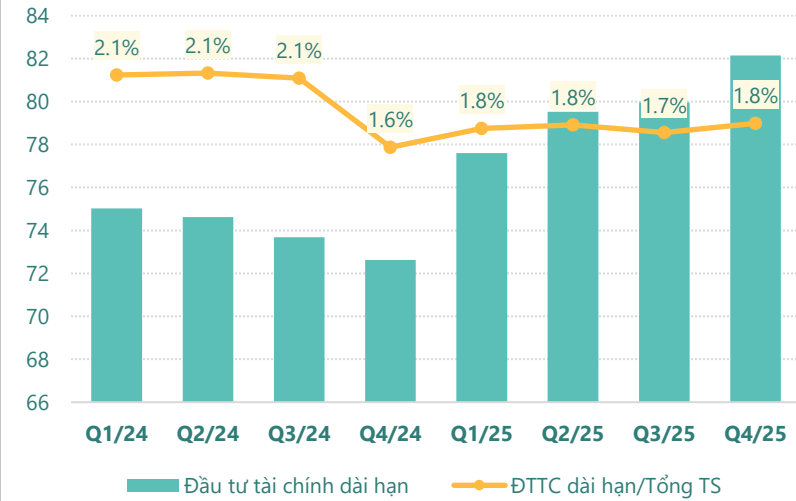
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

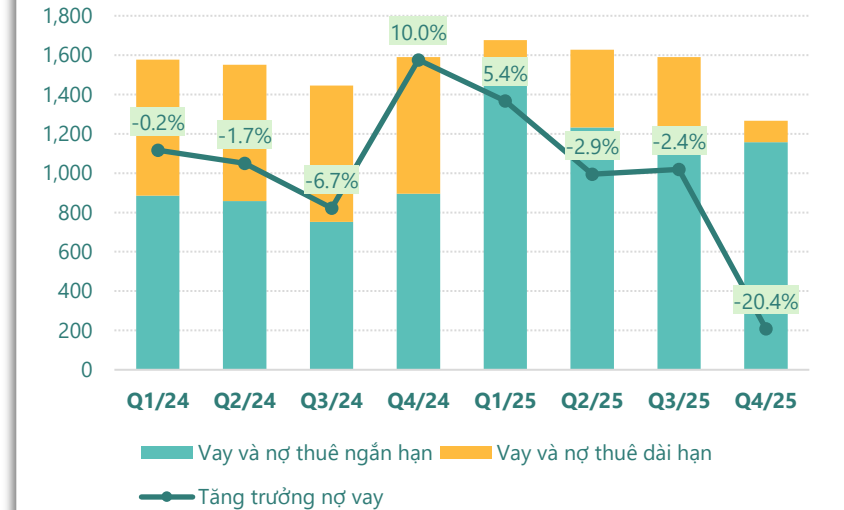
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

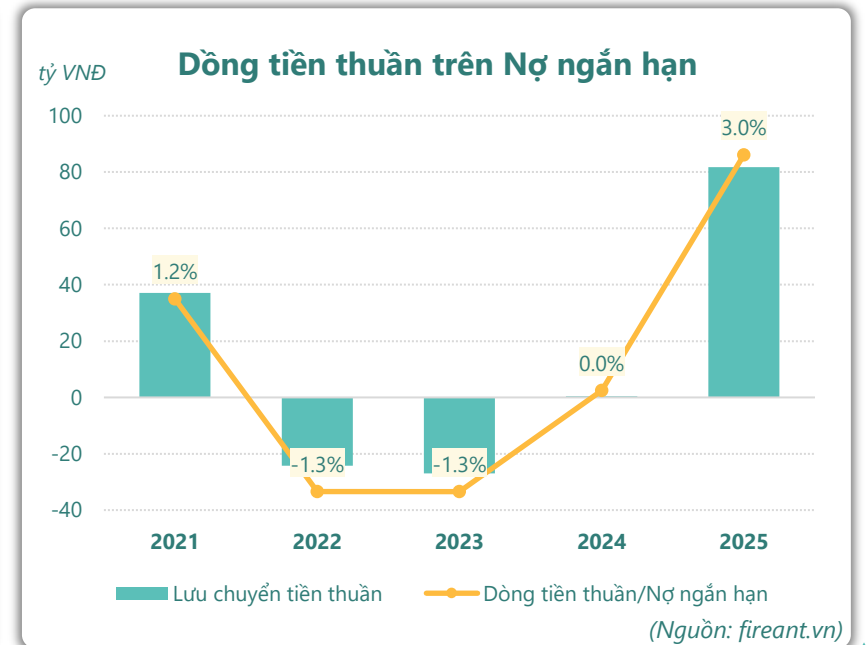
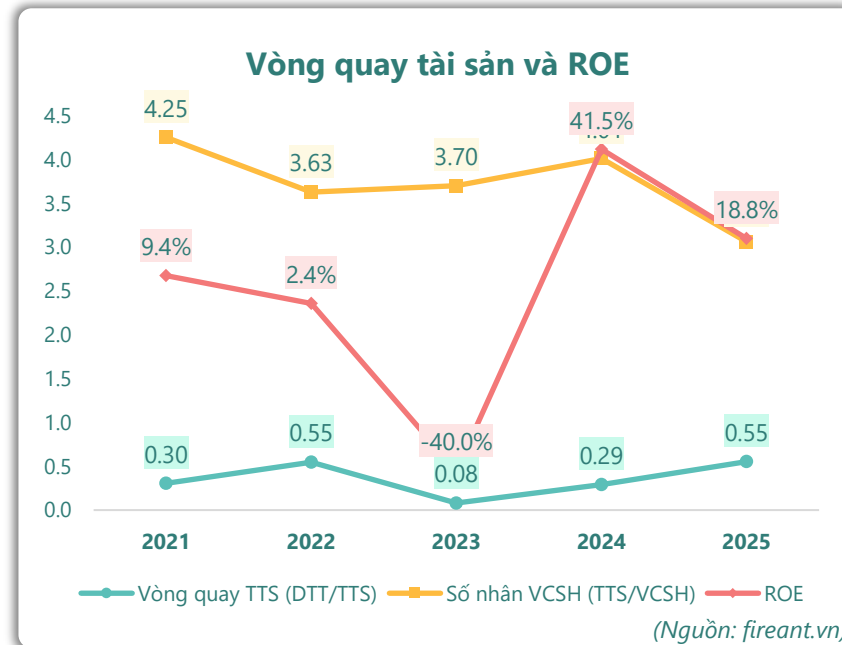
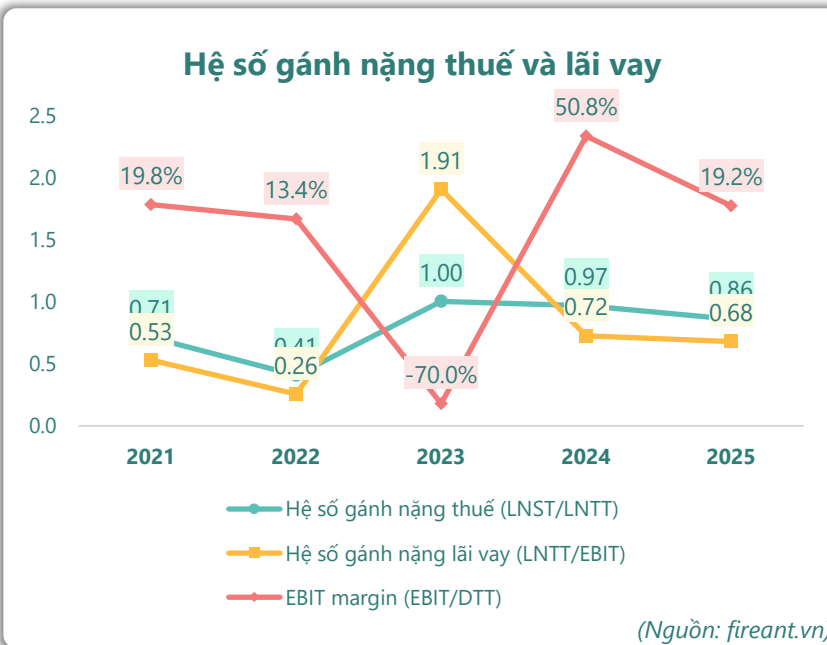
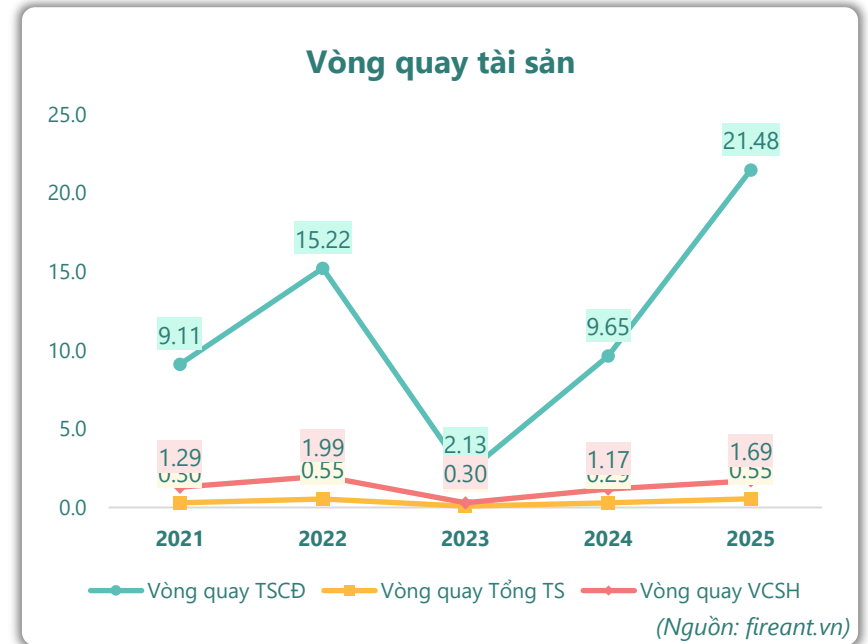
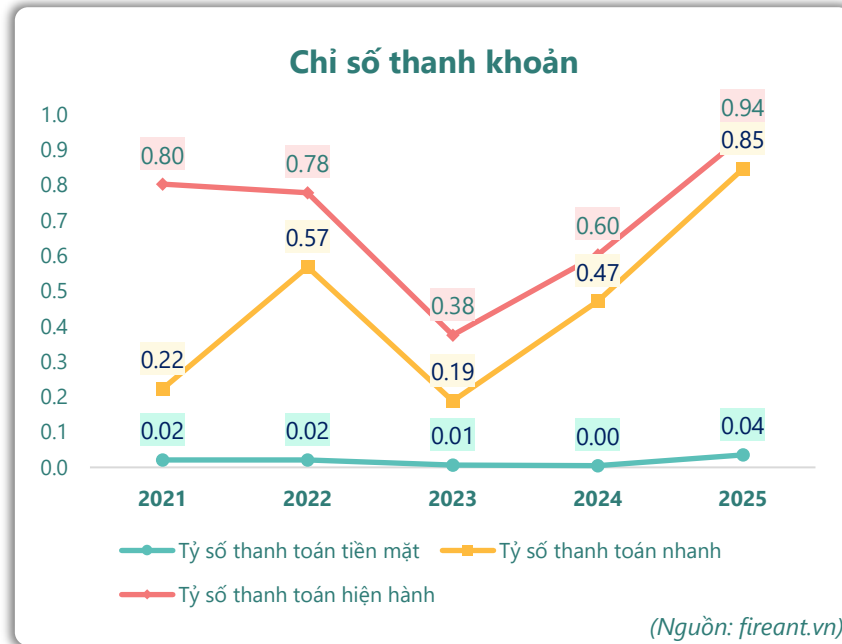
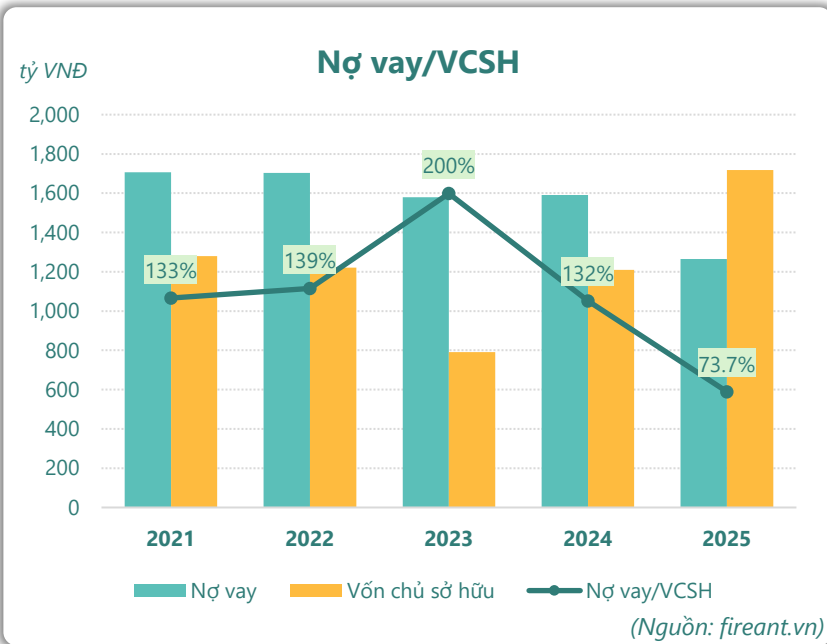
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,162	764	52.2%	2,478	1,171	112%
Giá vốn hàng bán	866	325	166%	1,980	567	250%
Lợi nhuận gộp	297	439	-32.4%	498	604	-17.6%
Doanh thu HĐTC	8.28	3.77	120%	177	129	38.0%
Chi phí TC	43.3	52.4	-17.4%	153	164	-6.5%
Chi phí lãi vay	43.3	52.4	-17.4%	153	164	-6.5%
LN trong công ty LKLD	2.20	-1.05	309%	5.63	2.73	106%
Chi phí bán hàng	43.9	34.5	27.3%	96.4	80.4	20.0%
Chi phí QLDN	28.7	19.3	48.5%	85.8	61.7	39.1%
LN thuần từ HĐKD	191	335	-42.9%	347	430	-19.4%
Lợi nhuận khác	-25.8	-1.09	-2266%	-22.9	1.28	-1890%
LN trước thuế	166	334	-50.4%	324	431	-24.9%
Lợi nhuận sau thuế	123	317	-61.3%	279	417	-33.2%
LNST của CĐ cty mẹ	122	315	-61.3%	276	415	-33.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	88.0	-140	144	-714	18.2	364
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.80	-1.37	-184	414	47.1	1.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-106	143	84.2	271	-39.9	-325
Tiền đầu kỳ	21.4	12.8	14.5	59.5	30.5	56.0
Lưu chuyển tiền thuần	-8.58	1.70	45.0	-29.0	25.5	40.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.8	14.5	59.5	30.5	56.0	96.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,553	4,411	3.2%
Tài sản ngắn hạn	2,552	1,813	40.8%
Tiền và tương đương tiền	96.3	14.5	564%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,193	1,390	57.8%
Hàng tồn kho	249	398	-37.5%
Tài sản ngắn hạn khác	14.0	10.3	36.0%
Tài sản dài hạn	2,000	2,598	-23.0%
Phải thu dài hạn	74.6	368	-79.7%
Tài sản cố định	122	109	12.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,663	2,021	-17.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	82.2	76.2	7.8%
Tài sản dài hạn khác	59.1	24.4	142%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,834	3,202	-11.5%
Nợ ngắn hạn	2,723	3,006	-9.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,157	1,438	-19.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	573	635	-9.7%
Nợ dài hạn	112	196	-42.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	109	153	-28.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,718	1,209	42.1%
Vốn chủ sở hữu	1,718	1,209	42.1%
Vốn điều lệ	1,272	1,000	27.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

